CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Xây dựng 47

Ngày 28/06/2024	5,680 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.1%	-	-

DT thuần
Q2/24
160
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 13.7%
YoY: ▼154| -48.9%

LN thuần
Q2/24
1.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -6.2%
YoY: ▲ 5.72| 140%

LN sau thuế
Q2/24
1.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05| 4.2%
YoY: ▲ 0.11| 9.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
8.8%
YoY: +/-▼ 4.0%

ROE (TTM)
Q2/24
3.5%
YoY: +/-▲ 0.1%

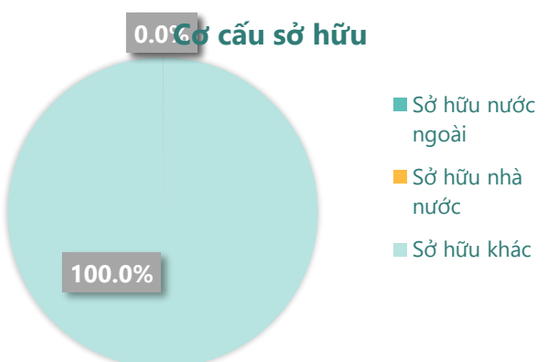
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,510 - 7,536
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	206
Số lượng CPLH (CP)	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,085
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.44
EPS	416
P/E	13.7

DT thuần
6T 2024
301
tỷ VNĐ
YoY: ▼127| -29.7%

LN thuần
6T 2024
3.36
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.85| 781%

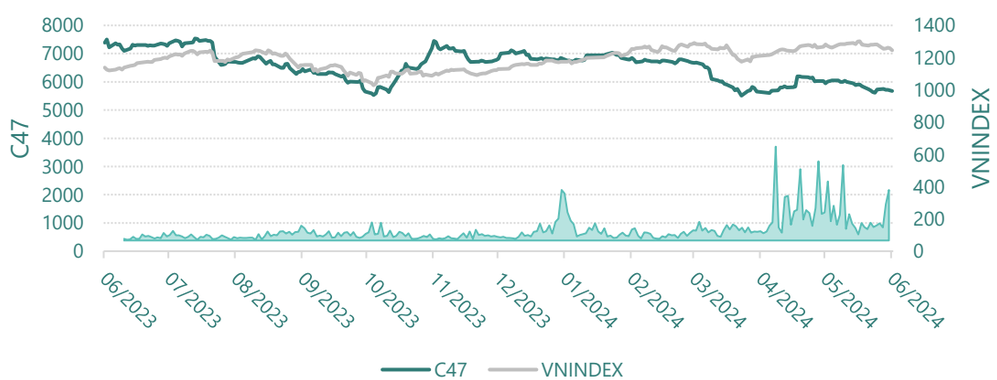
LN sau thuế
6T 2024
2.56
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.66| -20.7%

Cơ cấu sở hữu

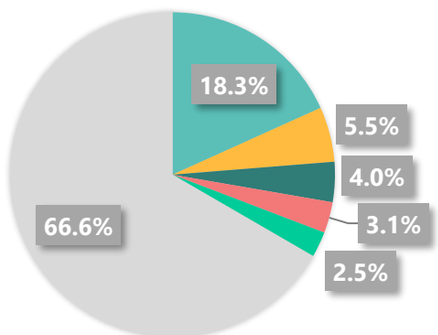


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

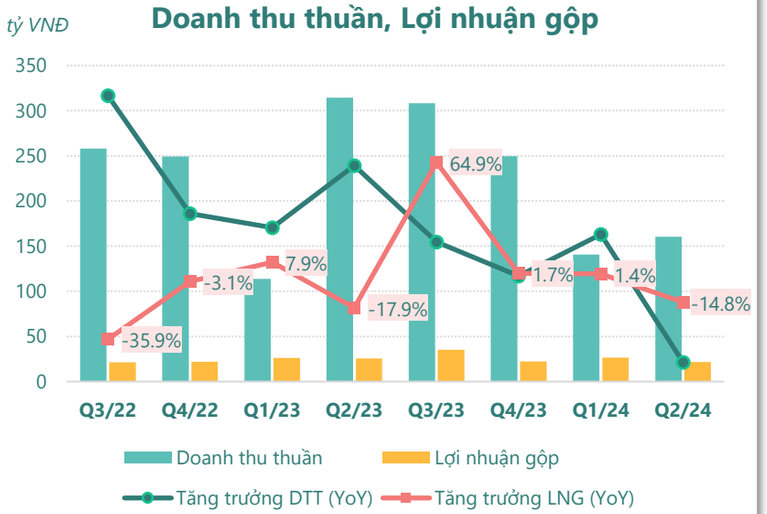


- Công ty TNHH VP Invest
- Lê Đông Lâm (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Bảo Minh
- Phạm Thị Trung Hiếu
- Dương Minh Quang (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

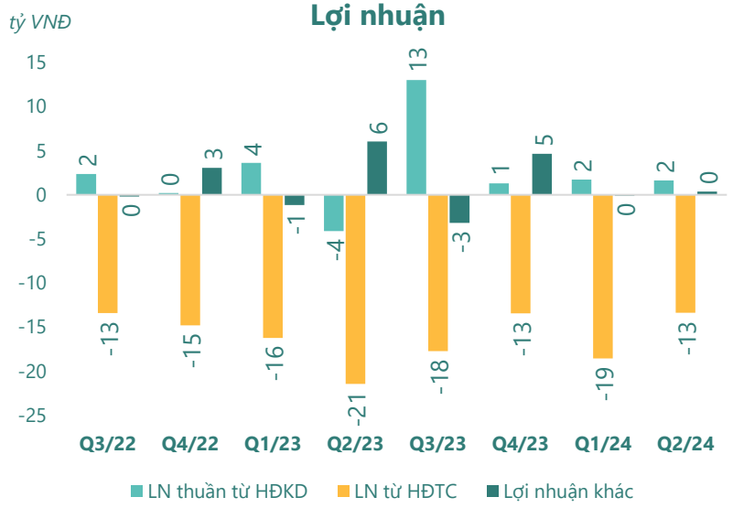
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



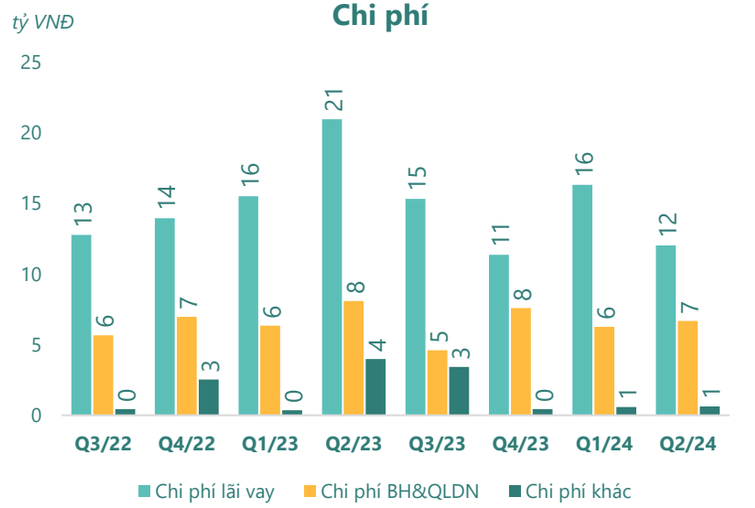
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



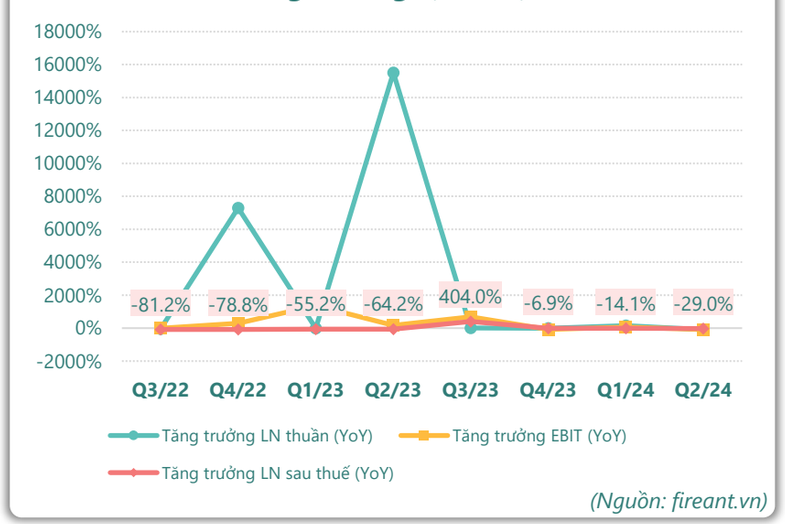
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



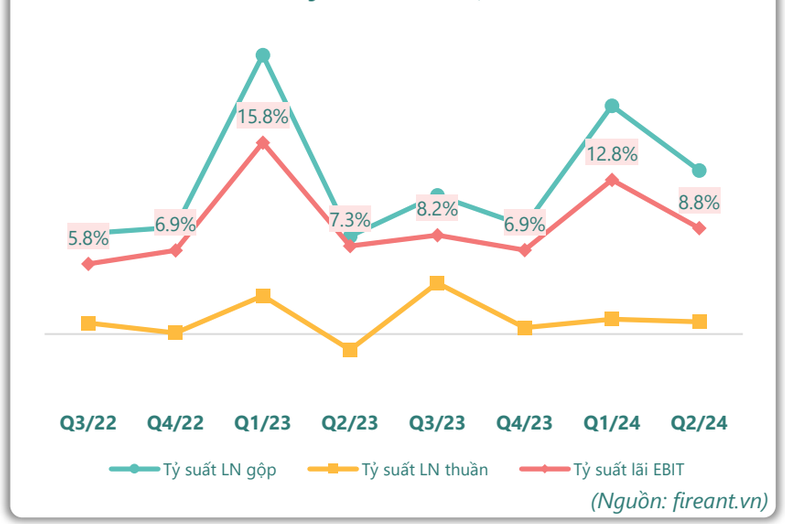
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



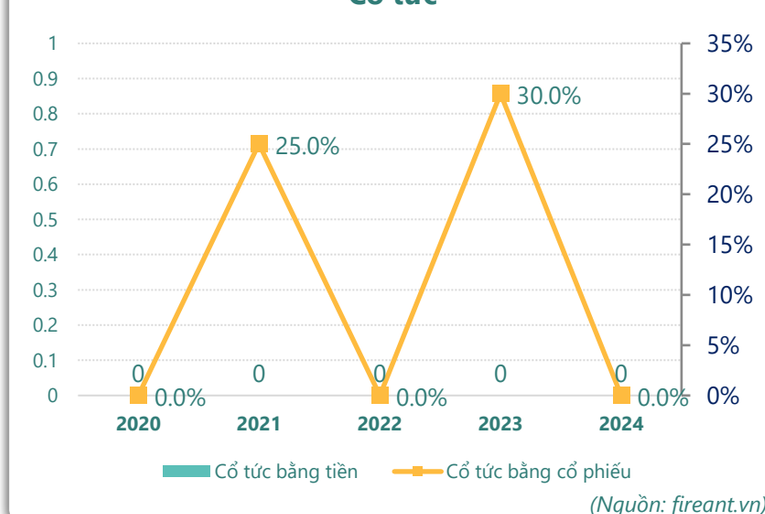
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

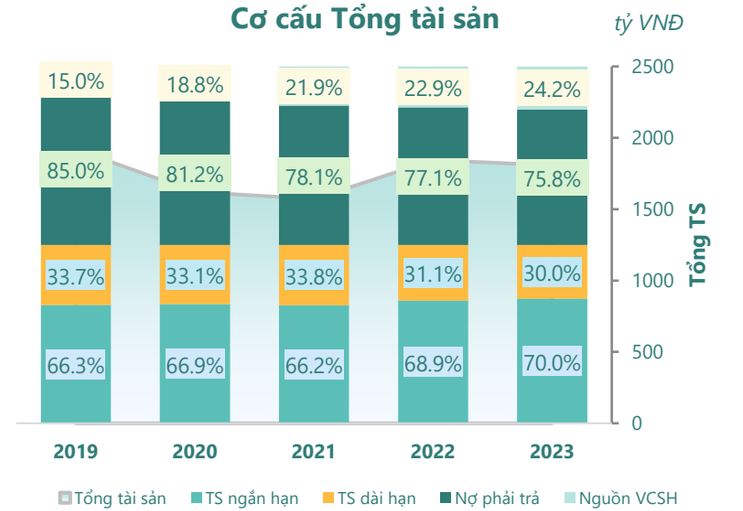
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

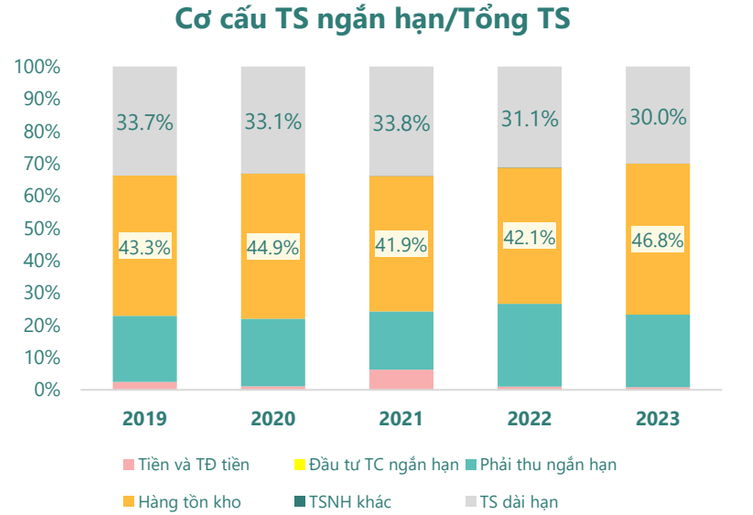
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



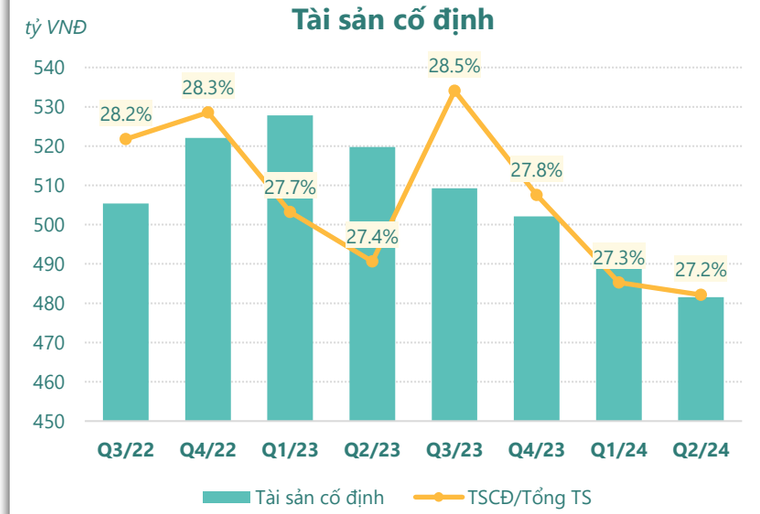
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



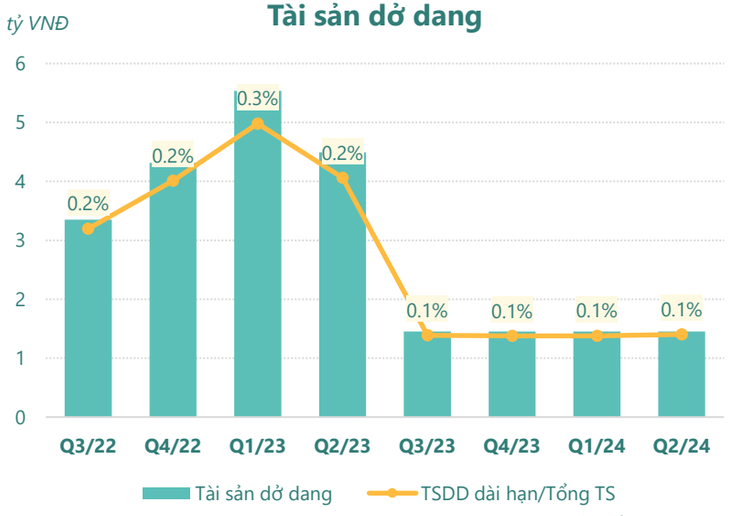
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



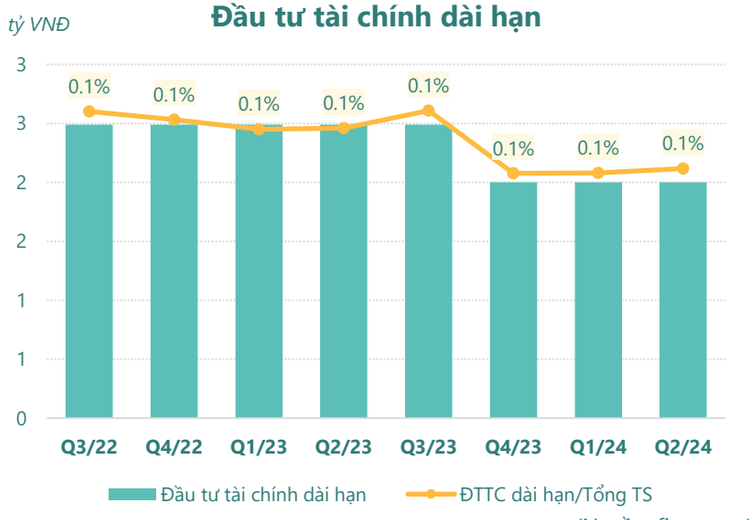
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



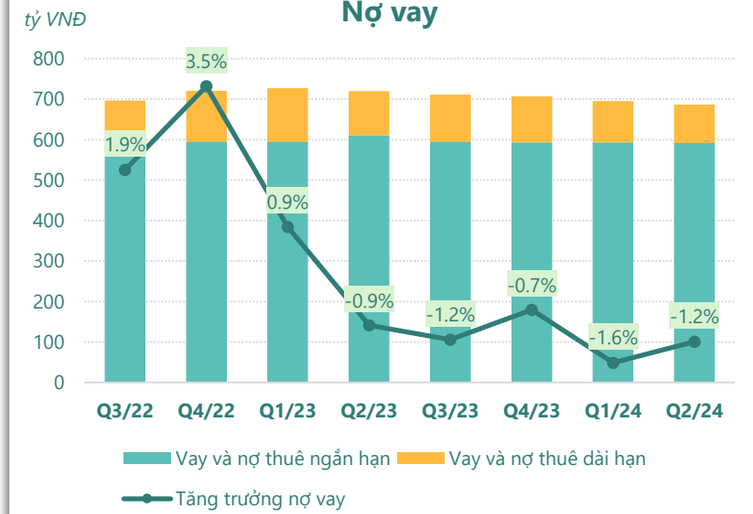
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

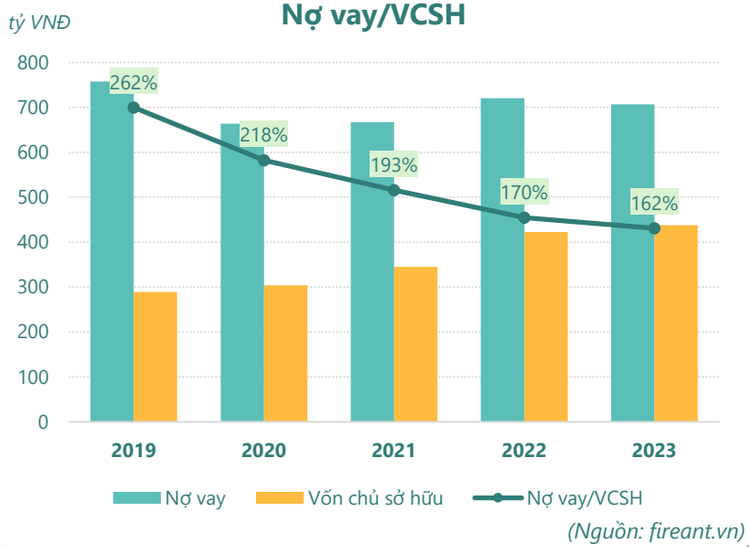
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

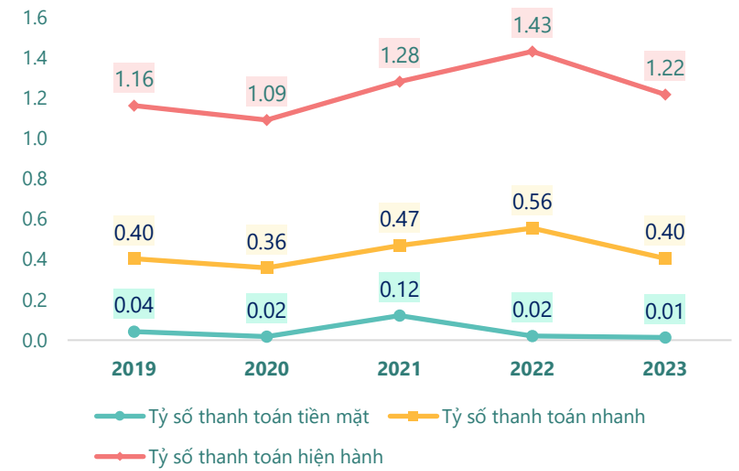
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



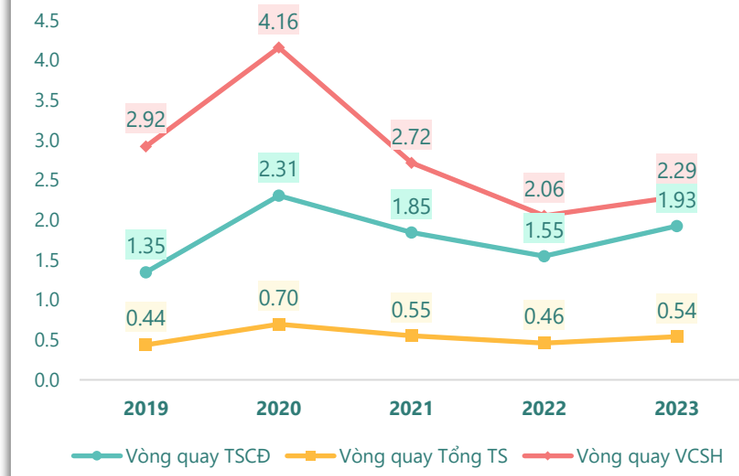
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



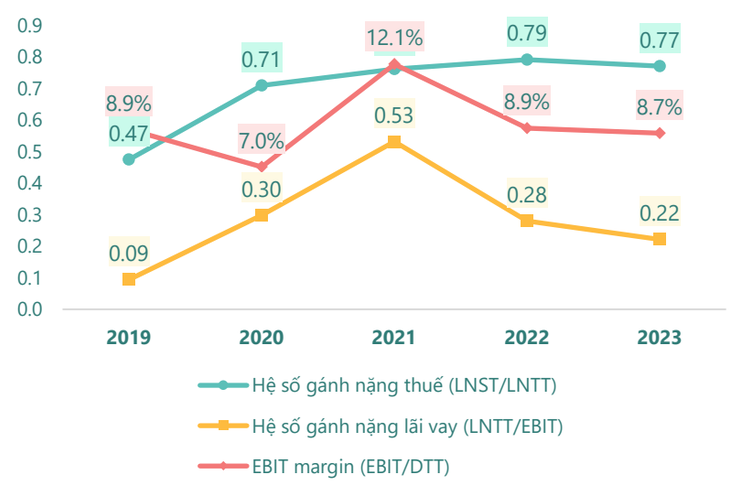
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



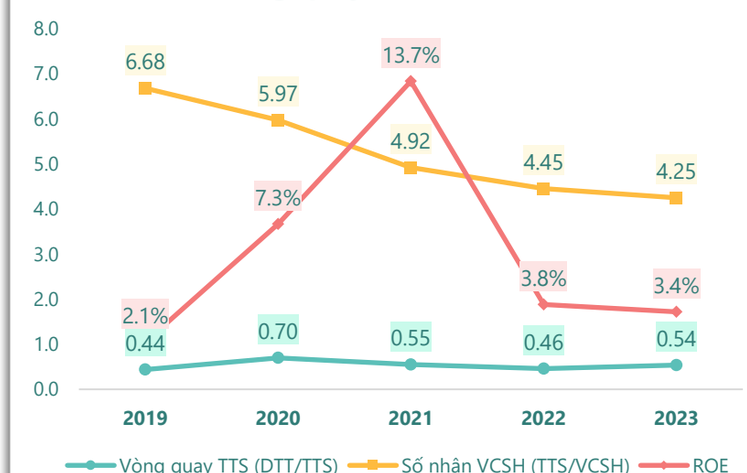
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



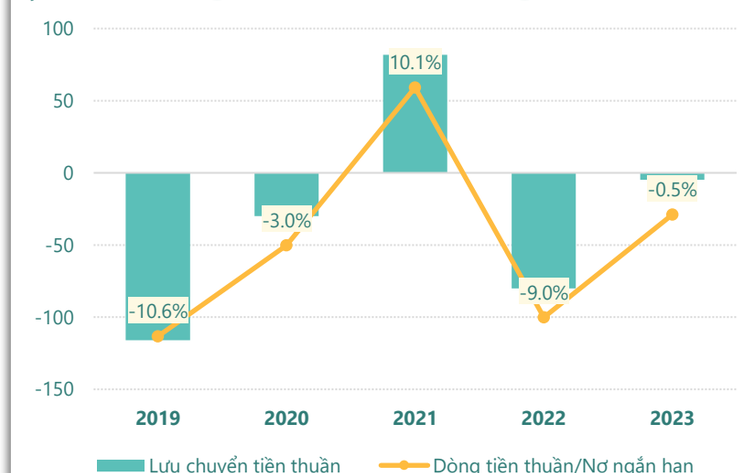
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**160**	**314**	**-48.9%**	**301**	**428**	**-29.7%**
Giá vốn hàng bán	139	289	-52.0%	253	376	-32.8%
Lợi nhuận gộp	21.7	25.4	-14.7%	48.2	51.6	-6.6%
Doanh thu HĐTC	0.43	0.00		0.43	0.01	5867%
Chi phí TC	13.8	21.4	-35.5%	32.4	37.7	-14.1%
Chi phí lãi vay	12.0	21.0	-42.7%	28.4	36.5	-22.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**6.68**	**8.10**	**-17.5%**	**13.0**	**14.5**	**-10.4%**
LN thuần từ HĐKD	1.62	-4.10	140%	3.36	-0.49	781%
Lợi nhuận khác	**0.38**	**6.03**	**-93.7%**	**0.28**	**4.87**	**-94.2%**
LN trước thuế	2.00	1.92	4.3%	3.64	4.38	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.30**	**1.19**	**9.5%**	**2.56**	**3.22**	**-20.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.64**	**1.44**	**13.6%**	**2.83**	**3.35**	**-15.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	51.1	-37.8	26.1	-18.3	13.2	9.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.86	1.31	-0.05	1.98	0.00	0.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.28	-6.86	-8.71	-4.49	-11.5	-9.19
Tiền đầu kỳ	18.8	60.7	17.4	34.8	14.0	15.6
Lưu chuyển tiền thuần	**41.9**	**-43.3**	**17.4**	**-20.8**	**1.66**	**0.38**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	60.7	17.4	34.8	14.0	15.6	16.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,771**	**1,808**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,256	1,266	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	16.0	14.0	14.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	389	406	-4.3%
Hàng tồn kho	851	845	0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.60	-92.2%
Tài sản dài hạn	**515**	**542**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	19.2	18.6	3.4%
Tài sản cố định	482	502	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.45	1.45	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**11.1**	**17.9**	**-38.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,336	1,371	-2.5%
Nợ ngắn hạn	**995**	**1,039**	**-4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	591	620	-4.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	244	-18.9%
Nợ dài hạn	341	332	2.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.0	86.4	10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**435**	**437**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**435**	**437**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	363	363	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)